TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-PT
Ngày 26 - 01 - 2021
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Lưỡng
Các Thẩm phán: Ông Tạ Văn Vinh
Ông Nguyễn Tử Lượng

Thư ký phiên tòa:
Bà Vũ Thị Len, Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình:
Bà Bùi Thị Thúy Hằng, Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLPT-DS ngày 07/10/2020 về việc: "Tranh chấp về thừa kế tài sản "

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 11/8/2020 của Toà án nhân dân huyện H bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2021/QĐPT- DS ngày 06 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị V, sinh năm 1952.
Trú tại: Thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị L, sinh năm 1962.
Trú tại: Thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đinh Vạn V1, sinh năm 1957.
Trú tại: Thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt).

- Bà Đinh Thị T, sinh năm 1959.
Trú tại: thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt).

- Anh Đinh Vạn H1, sinh năm 1978.
Trú tại: Thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. (có mặt).

- Chị Đinh Thị T1, sinh năm 1979.
Trú tại: Thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của chị T1: Anh Đinh Vạn H1, sinh năm 1978.

Trú tại: Thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền đề ngày 09/01/2020).

- Anh Đinh Vạn H2, sinh năm 1983.

Trú tại: Thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh H2: Anh Đinh Vạn H1, sinh năm 1978.

Trú tại: Thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền đề ngày 02/7/2020).

4. Viện Kiểm sát nhân dân kháng nghị: Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/01/2020, nguyên đơn bà Đinh Thị V trình bày:

Bố, mẹ chồng bà V là cụ Đinh Vạn T2 và cụ Đặng Thị N1. Cụ T2 và cụ N1 sinh được 05 người con tên là Đinh Vạn V2, sinh năm 1948 (hy sinh năm 1971, trước khi hy sinh chưa có vợ con), Đinh Vạn V3, sinh năm 1952 (chồng bà V mất năm 2004), Đinh Vạn V1, sinh năm 1957, bà Đinh Thị T, sinh năm 1959 và bà Đinh Thị L, sinh năm 1962. Năm 1990, cụ T2 chết, đến năm 1997 cụ N1 chết. Cụ T2 và cụ N1 khi chết không để lại di chúc. Tài sản của cụ T2, cụ N1 để lại gồm 355m^2 đất thổ cư và 125m^2 đất ao *(trong 125m^2 đất ao này thì có 72m^2 đất ao có nguồn gốc do vợ chồng ông V3, bà V có mua của ông Đinh Văn C từ năm 1987)* và 1072 m^2 đất nông nghiệp; Tài sản trên đất gồm có: 03 gian nhà cấp 4, sân trạt, 01 giếng nước xây bằng đá, khu vệ sinh xây gạch đỏ, bậc lên xuống bờ ao. Năm 1996, khi Nhà nước đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì toàn bộ diện tích đất thổ cư và đất ao được mang tên cụ Đặng Thị N1, thể hiện tại thửa 118, tờ bản đồ số 8 bản đồ địa chính xã N. Sau khi cụ T2, và cụ N1 chết, bà Đinh Thị L là người quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản của cụ T2 cụ N1 để lại. Năm 2019, ngôi nhà 03 gian mái ngói bị hỏa hoạn cháy toàn bộ nên bà L đã xây dựng lại ngôi nhà cấp 4 để ở và thờ cúng bố mẹ, tổ tiên. Năm 2004, ông Đinh Vạn V3 chồng bà V chết không để lại di chúc. Bà V và các con của cụ T2, cụ N1 đã nhiều lần bàn bạc để thống nhất phân chia di sản thừa kế của cụ T2 và cụ N1 nhưng ông Đinh Vạn V1 không tham gia và cũng không đưa ra quan điểm của mình. Do đó, bà V khởi kiện chia di sản của cụ T2, cụ N1 để lại gồm 355m^2 đất thổ cư và 125m^2 đất ao và 1072m^2 đất nông nghiệp.

Tại bản tự khai ngày 13/2/2020, Biên bản hòa giải ngày 02/7/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đề nghị Tòa án chia di sản của cụ T2, cụ N1 là quyền sử dụng đất tại thửa 118, tờ bản đồ số 8 bản đồ địa chính xã N, huyện H có diện tích là 355m^2 đất thổ cư và 125m^2 đất ao và xác định trong 125m^2 đất ao này thì có 72m^2 đất ao có nguồn gốc là do vợ chồng bà V có mua của ông Đinh Văn C năm 1987. Bà V đề nghị Tòa án buộc các đồng thừa kế của cụ T2, cụ N1 phải trả lại diện tích 72m^2 đất ao cho bà V. Sau đó, chia di sản của cụ T2, cụ N1 là quyền sử dụng đất tại thửa 118, tờ bản đồ số 8 bản đồ địa chính xã N, huyện H bằng hiện vật theo phương án chia cho bà L quản lý và sử dụng phần diện tích đất thổ cư mà bà L đã xây dựng nhà, phần còn lại bà V và các con chung của bà V với ông V3 được nhận. Bà V , anh H1,

chị T1 và anh H2 thống nhất giao lại cho anh Đinh Vạn H1 toàn quyền quản lý sử dụng. Anh H1 có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho các đồng thừa kế con của cụ T2 và cụ N1. Còn về diện tích đất nông nghiệp bà V không đề nghị Tòa án giải quyết mà để các bên tự thỏa thuận với nhau.

Tại bản tự khai ngày 14/2/2020, bà Đinh Thị L trình bày:

Bố mẹ đẻ bà L là cụ T2, cụ N1. Cụ T2 và cụ N1 sinh được 05 người con tên là Đinh Vạn V2, sinh năm 1948 (hy sinh năm 1971, trước khi hy sinh chưa có vợ con), Đinh Vạn V3, sinh năm 1952 (chết năm 2004), Đinh Vạn V1, sinh năm 1957, bà Đinh Thị T, sinh năm 1959 và bà Đinh Thị L, sinh năm 1962. Cụ T2, cụ N1 chết không có di chúc. Tài sản của cụ T2, cụ N1 để lại gồm 355m^2 đất thổ cư và 125m^2 đất ao (trong 125m^2 đất ao này thì có 72m^2 đất ao có nguồn gốc vợ chồng ông V3, bà V có mua của ông Đinh Văn C) và 1072m^2 đất nông nghiệp; Tài sản trên đất gồm có: 03 gian nhà cấp 4, sân trạt, 01 giếng nước xây bằng đá, khu vệ sinh xây gạch đỏ, bậc lên xuống bờ ao. Năm 1996, khi Nhà nước đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì toàn bộ diện tích đất trên được mang tên cụ Đặng Thị N1, thể hiện tại thửa 118, tờ bản đồ số 8 bản đồ địa chính xã N. Bà L ở với cụ T2, cụ N1 từ nhỏ, lớn lên không đi xây dựng gia đình, nên khi cụ T2 và cụ N1 chết bà L vẫn tiếp tục ở, quản lý sử dụng tài sản của cụ T2 và cụ N1 cho đến nay. Năm 2019, do bị hỏa hoạn ngôi nhà 03 gian bị cháy. Bà L đã xây dựng ngôi nhà cấp bốn để ở và thờ cúng bố mẹ và tổ tiên. Nay bà V vợ ông Đinh Vạn V3 khởi kiện chia di sản của cụ T2 và cụ N1 cho các đồng thừa kế bà L hoàn toàn đồng ý và cũng nhất trí theo yêu cầu khởi kiện của bà V.

Biên bản hòa giải ngày 02/7/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà L đề nghị Tòa án chia thừa kế tài sản của cụ T2, cụ N1 bằng hiện vật. Bà L đồng ý nhận phần di sản mà ông V1 cho bà L. Giá trị tài sản là cây cối hoa mầu của bà L trồng trên đất của cụ T2, cụ N1 khi chia thừa kế vào phần đất của ai thì người đó được hưởng không phải thanh toán chênh lệch cho nhau.

Tại bản tự khai ngày 18/3/2020, bà Đinh Thị T trình bày:

Bố mẹ bà T là cụ T2, cụ N1. Cụ T2 và cụ N1 sinh được 05 người con tên là Đinh Vạn V2, sinh năm 1948 (hy sinh năm 1971, trước khi hy sinh chưa có vợ con), Đinh Vạn V3, sinh năm 1952 (chết năm 2004), Đinh Vạn V1, sinh năm 1957, bà Đinh Thị T, sinh năm 1959 và bà Đinh Thị L, sinh năm 1962. Cụ T2, cụ N1 chết không có di chúc. Tài sản của cụ T2, cụ N1 để lại gồm 355m^2 đất thổ cư và 125m^2 đất ao (trong 125m^2 đất ao này thì có 72m^2 đất ao năm 1987 vợ chồng bà V có mua của ông Đinh Văn C) và 1072m^2 đất nông nghiệp; Tài sản trên đất gồm có: 03 gian nhà cấp 4 đã sập. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Đặng Thị N1, thể hiện tại thửa 118, tờ bản đồ số 8 bản đồ địa chính xã N. Nay bà V (vợ ông Đinh Vạn V3) khởi kiện chia di sản của cụ T2 và cụ N1 cho các đồng thừa kế bà T đồng ý và cũng nhất trí theo yêu cầu khởi kiện của bà V, bà T nhất trí phần đất 72m^2 đất ao có nguồn gốc năm 1987 vợ chồng ông V3, bà V có mua của ông Đinh Văn C này trả lại cho bà V. Về phần di sản của cụ T2 và cụ N1, bà T đồng ý chia theo hướng đề nghị của bà V và bà L, giá trị chênh lệch tài sản bà T được nhận, nhưng bà T không lấy mà cho anh Đinh Vạn H1 là cháu đích tôn của cụ T2 và cụ N1, để anh H1 có trách nhiệm thờ cúng ông bà và người bác liệt sỹ hi sinh trong kháng C chống Mỹ.

Tại Biên bản hòa giải ngày 02/7/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm bà T đồng ý với quan điểm của bà V và bà L. Phần tài sản mà bà T được hưởng từ di sản của cụ T2 và cụ N1 bà T cho anh Đinh Vạn H1 và không yêu cầu anh H1 phải thanh toán chênh lệch cho bà T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/03/2020, ông Đinh Vạn V1 trình bày: Bố, mẹ đẻ ông V1 là cụ Đinh Vạn T2 và cụ Đặng Thị N1. Cụ T2 và cụ N1 sinh được 05 người con tên là Đinh Vạn V2, sinh năm 1948 (hy sinh năm 1971, trước khi hy sinh chưa có vợ con), Đinh Vạn V3, sinh năm 1952 (chết năm 2004), Đinh Vạn V1, sinh năm 1957, bà Đinh Thị T, sinh năm 1959 và bà Đinh Thị L, sinh năm 1962. Quyền sử dụng đất tại thửa 118, tờ bản đồ số 8 bản đồ địa chính xã N, huyện H có 355m^2 đất thổ cư và 125m^2 đất ao là của bố mẹ ông V1 để lại đúng như lời trình bày của bà V, bà T và bà L. Hiện nay, bà L đang quản lý và sử dụng. Nay bà V vợ ông Đinh Vạn V3 đề nghị chia thừa kế thửa đất này quan điểm của ông V1 phần tài sản thừa kế mà ông được hưởng khi chia thừa kế, ông V1 cho hết bà Đinh Thị L.

Tại Biên bản hòa giải ngày 02/7/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Đinh Vạn H1 trình bày:

Anh H1, chị Đinh Thị T1 và anh Đinh Vạn H2 là con đẻ của ông Đinh Vạn V3 và bà Đinh Thị V. Anh H1 đồng ý với quan điểm chia di sản thừa kế của cụ T2 và cụ N1 mà bà V, bà T, bà L trình bày.

Tại Biên bản hòa giải ngày 02/7/2020, anh Đinh Vạn H2 trình bày:

Anh H2, chị Đinh Thị T1 và anh Đinh Vạn H1 là con đẻ của ông Đinh Vạn V3 và bà Đinh Thị V. Anh H2 đồng ý với quan điểm chia di sản thừa kế của cụ T2 và cụ N1 mà bà V, bà T, bà L trình bày. Phần tài sản thừa kế mà anh H2 được hưởng anh H2 cho anh Đinh Vạn H1 và không yêu cầu anh H1 phải thanh toán chênh lệch cho anh H2.

Tại Biên bản hòa giải ngày 02/7/2020 chị Đinh Thị T1 trình bày:

Chị Đinh Thị T1, anh Đinh Vạn H2 và anh Đinh Vạn H1 là con đẻ của ông Đinh Vạn V3 và bà Đinh Thị V. Chị T1 đồng ý với quan điểm chia di sản thừa kế của cụ T2 và cụ N1 mà bà V, bà T, bà L trình bày. Phần tài sản thừa kế mà chị T1 được hưởng, chị T1 cho anh Đinh Vạn H1 và không yêu cầu anh H1 phải thanh toán chênh lệch cho chị T1.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập hợp lệ ông Đinh Vạn V1 lên làm Việc, ông V1 đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhưng ông V1 không lên làm Việc.

Tại bản án số: 03/2020/DS-ST ngày 11/8/2020 của Toà án nhân dân huyện H đã quyết định.

Áp dụng: Điều 203 luật đất đai; Điều 623, 649, 650, 651 và Điều 660 Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 246 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

Xử :

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị V về việc buộc các đồng thừa kế ông V1, bà T và bà L trả lại 72m^2 đất ao nằm trong khối di sản thừa kế của cụ

Đinh Vạn T2 và cụ Đặng Thị N1 cho gia đình bà V và chia di sản thừa kế của cụ T2 và cụ N1 theo qui định pháp luật.

- Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc phân chia thừa kế cụ thể như sau:

+ Giao cho bà Đinh Thị L quản lý và sử dụng phần đất thổ cư hiện tại bà đã làm nhà cấp bốn, có các chiều tứ cận phía Bắc giáp đường dài 4,81m; phía Nam giáp phần đất ao trả cho gia đình bà V dài 8,83m^2; phía Đông giáp phần đất chia cho bà V, anh H1, chị T1 và anh H2 dài 22,98m; phía Tây giáp thửa 62 dài 22,64m có tổng diện tích là 116,6m^2.

+ Giao cho anh Đinh Vạn H1 quản lý và sử dụng 113,4m^2 đất ở và 121,9m^2 đất ao *(trong đó có 72m^2 đất ao ông V1, bà T và bà L trả cho gia đình bà V)*, có các chiều tứ cận Bắc giáp đường dài 4,81m, phía Nam giáp thửa 74 dài 12,96m; phía Đông giáp thửa 64 dài 23,23m; phía Tây giáp phần đất chia cho bà L dài 22,98m. Các tài sản trên đất gồm tài sản của cụ T2 và cụ N1 để lại và các cây ăn trái do bà L trồng có giá trị không lớn, nên tài sản này nằm trên phần đất chia cho ai thì người đó được hưởng. Bà L và anh H1 không phải thanh toán giá trị chêch lệch tài sản cho ông V1, bà T, bà V, chị T1 và anh H2 *(có sơ đồ kèm theo)*.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 21/8/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H kháng nghị Bản án sơ thẩm số 03 ngày 11/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm xem xét lại phần ghi nhận diện tích đất 72 m^2, xác định lại giá trị di sản thừa kế và xem xét lại án phí.

Tại Đơn thỏa thuận đề ngày 24/12/2020 và Biên bản thỏa thuận ngày 18/01/2021, các đương sự bà Đinh Thị V, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị L, anh Đinh Vạn H1, chị Đinh Thị T1 và anh Đinh Vạn H2 thỏa thuận thống nhất: Diện tích đất 72 m^2 có nguồn gốc do vợ chồng ông Đinh Vạn V3 và bà Đinh Thị V mua của ông Đinh Văn C đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào phần đất ao của thửa đất 118, tờ bản đồ số 8 bản đồ địa chính xã N mang tên cụ Đặng Thị N1 (hiện nay là thửa đất số 63, tờ bản đồ số 7, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình) là di sản thừa kế của cụ T2 và cụ N1; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chia thừa kế quyền sử dụng đất theo số liệu thực tế Tòa án huyện H đã đã thẩm định là toàn bộ diện tích thửa đất số 63, tờ bản đồ số 7, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình theo phương án như sau: Thửa đất được chia thừa kế bằng hiện vật, thành hai phần cho bà L và anh H1 được sử dụng mỗi người một phần. Bà Đinh Thị L được sử dụng phần đất thổ cư hiện tại bà L đã làm nhà cấp 4, có các chiều cạnh: Phía Tây Bắc giáp đường dài 4,81m; phía Đông Bắc giáp phần đất chia cho anh H1 dài 22,98m; phía Đông Nam giáp phần đất chia cho anh H1 dài 8,83m; phía Tây Nam giáp thửa 61 dài 2,98m; phía Tây Bắc giáp thửa 62 dài 4,56m. Phần đất bà L được sử dụng có diện tích là 116,6m^2 mục đích sử dụng là đất ở nông thôn (ONT). Anh Đinh Vạn H1 sử dụng phần đất có các cạnh: Phía Tây Bắc giáp đường dài 4,81m, phía Đông Bắc giáp thửa 64 dài 32,69m; phía Đông Nam giáp thửa 74 dài 12,96m; phía Tây Nam giáp phần đất chia cho bà L dài 22,98m; phía Tây Bắc giáp phần đất chia cho bà L dài 8,87m. Diện tích đất anh H1 được sử dụng là 235,3m^2 (trong đó 113,4m^2

đất ở và 121,9m^2 đất ao). Các tài sản trên đất gồm tài sản của cụ T2 và cụ N1 để lại và các cây ăn trái do bà L trồng có giá trị không lớn, nên các tài sản này ở trên phần đất chia cho ai thì người đó được hưởng. Bà L và anh H1 không phải thanh toán giá trị chêch lệch tài sản cho ông V1, bà T, bà V, chị T1 và anh H2. Bà L và anh H1 phải chịu án phí chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị và đề nghị HĐXX xem xét công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định của pháp luật đế đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình trong thời hạn luật định nên nội dung kháng nghị được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.2] Bị đơn bà L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Vạn V1 đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung kháng nghị của Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Về mối quan hệ gia đình, huyết thống:

Các đương sự đều xác nhận cụ Đinh Vạn T2 và cụ Đặng Thị N1 là vợ chồng. Trong thời kỳ hôn nhân cụ T2 và cụ N1 có 05 người con tên là Đinh Vạn V2, sinh năm 1948 (hy sinh năm 1971, trước khi hy sinh chưa có vợ con), Đinh Vạn V3, sinh năm 1952 (chết năm 2004), Đinh Vạn V1, sinh năm 1957, bà Đinh Thị T, sinh năm 1959 và bà Đinh Thị L, sinh năm 1962.

Ông Đinh Vạn V3 có vợ là Đinh Thị V và 03 người con đẻ là: Anh Đinh Vạn H1, chị Đinh Thị T1 và anh Đinh Vạn H2.

[2.2] Về thời điểm mở thừa kế:

Tại Đơn xin xác nhận của bà Đinh Thị V đề ngày 28/12/2019, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Cụ Đinh Vạn T2 chết ngày 17/10/1990, cụ Đặng Thị N1 chết ngày 10/12/1997. Như vậy, thời điểm mở thừa kế đối với cụ T2 là ngày 17/10/1990. Thời điểm mở thừa kế đối với cụ N1 là ngày 10/12/1997.

[2.3] Về xác định những người thừa kế:

Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đinh Vạn T2 và cụ Đặng Thị N1 gồm: Đinh Vạn V3, sinh năm 1952, Đinh Vạn V1, sinh năm 1957, bà Đinh Thị T, sinh năm 1959 và bà Đinh Thị L, sinh năm 1962.

Tại trích lục khai tử số 41/TLKT-BS ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân xã

N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, ông Đinh Vạn V3 chết ngày 01/5/2004. Hàng thừa kế thứ nhất của ông V3 gồm: Vợ là bà Đinh Thị V và các con là anh Đinh Vạn H1, chị Đinh Thị T1 và anh Đinh Vạn H2.

Như vậy, diện thừa kế được hưởng di sản của cụ T2 và cụ N1 tại thời điểm khởi kiện gồm: ông Đinh Vạn V1, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị Vi, anh Đinh Vạn H1, chị Đinh Thị T1 và anh Đinh Vạn H2. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu khởi kiện chia thừa kế di sản của cụ T2, cụ N1 theo đơn khởi kiện của bà Đinh Thị V là đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Về xác định di sản của cụ T2 và cụ N1 theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, khối tài sản chung của cụ Đinh Vạn T2 và cụ Đặng Thị N1 vào thời điểm khởi kiện gồm: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đặng Thị N1 tại xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 10 tháng 10 năm 1996. Nội dung thể hiện tại bản đồ số 08, thửa 118 có diện tích 355m^2 (trong đó có 230m^2 đất ở, 125m^2 đất ao); bản đồ số 11 thửa số 8 diện tích đất 2 lúa 304m^2; bản đồ số 11 thửa 2 diện tích đất 2 lúa 304m^2; bản đồ số 3 thửa số 20 diện tích đất 2 lúa 306m^2; bản đồ số 10 thửa 3 diện tích đất 2 lúa 60m^2; bản đồ số 9 thửa số 6 diện tích đất mạ 68m^2; bản đồ số 9 thửa 7 diện tích đất mạ 28m^2. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị chỉ chia di sản của cụ T2 và cụ N1 là quyền sử dụng đất tại bản đồ số 08 thửa 118 diện tích 355m^2 (trong đó có 230m^2 đất ở, 125m^2 đất ao). Hiện nay là thửa đất số 63, tờ bản đồ số 7, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình diện tích 351,9m^2 (trong đó có 230m^2 đất ở, 121,9m^2 đất ao) là đúng quy định theo Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2.5] Về nội dung kháng nghị liên quan đến nội dung án sơ thẩm buộc các đồng thừa kế ông V1, bà T và bà L trả lại 72m^2 đất ao nằm trong khối di sản thừa kế của cụ Đinh Vạn T2 và cụ Đặng Thị N1 cho gia đình bà V.

Bản án sơ thẩm căn cứ vào lời trình bày của bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị V và xác nhận của ông Đinh Văn C để xác định năm 1987 ông C có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đinh Vạn V3 và bà Đinh Thị V 72 m^2 đất ao và buộc các đồng thừa kế ông V1, bà T và bà L trả lại 72m^2 đất ao nằm trong khối di sản thừa kế của cụ Đinh Vạn T2 và cụ Đặng Thị N1 là chưa đủ chứng cứ và không phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm năm 1987. Tuy nhiên, tại Đơn thỏa thuận đề ngày 24/12/2020, Biên bản thỏa thuận ngày 18/01/2021 và tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự bà Đinh Thị V, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị L, anh Đinh Vạn H1, chị Đinh Thị T1 và anh Đinh Vạn H2 thỏa thuận thống nhất diện tích đất 72 m^2 có nguồn gốc do vợ chồng ông Đinh Vạn V3 và bà Đinh Thị V mua của ông Đinh Văn C đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào phần đất ao của thửa đất 118, tờ bản đồ số 8 bản đồ địa chính xã N mang tên cụ Đặng Thị N1 (Hiện nay là thửa đất số 63, tờ bản đồ số 7, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình) là di sản thừa kế của cụ T2 và cụ N1. Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được công nhận. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về nội dung này theo sự thỏa thuận của đương sự.

[2.6] Ông Đinh Vạn V1 không tham gia tố tụng nhưng đã có lời khai nhường lại kỷ phần thừa kế được hưởng từ di sản của cụ T2, cụ N1 cho bà L được hưởng. Bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị V, chị Đinh Thị T1 và anh Đinh Vạn H2 nhường lại phần tài sản thừa kế được hưởng từ di sản của cụ T2, cụ N1 cho anh Đinh Vạn H1. Sự tự định đoạt quyền tài sản của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được chấp nhận.

[2.7] Các đương sự bà Đinh Thị V, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị L, anh Đinh Vạn H1, chị Đinh Thị T1 và anh Đinh Vạn H2 thỏa thuận thống nhất đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chia thừa kế quyền sử dụng đất theo số liệu thực tế Tòa án huyện H đã đã thẩm định là toàn bộ diện tích thửa đất số 63, tờ bản đồ số 7, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình theo phương án như sau: Thửa đất được chia thừa kế bằng hiện vật, thành hai phần cho bà L và anh H1 được sử dụng mỗi người một phần. Bà Đinh Thị L được sử dụng phần đất thổ cư hiện tại bà L đã làm nhà cấp bốn, có các chiều cạnh: Phía Tây Bắc giáp đường dài 4,81m; phía Tây Bắc giáp thửa 62 dài 4,56m; phía Đông Bắc giáp phần đất chia cho anh H1 dài 22,98m; phía Đông Nam giáp phần đất chia cho anh H1 dài 8,83m; phía Tây Nam giáp thửa 61 dài 2,98m. Phần đất bà L được sử dụng có diện tích là 116,6m2 mục đích sử dụng là đất ở nông thôn (ONT). Anh Đinh Vạn H1 sử dụng phần đất có các cạnh: Phía Tây Bắc giáp đường dài 4,81m, phía Đông Bắc giáp thửa 64 dài 32,69m; phía Đông Nam giáp thửa 74 dài 12,96m; phía Tây Nam giáp phần đất chia cho bà L dài 22,98m; phía Tây Bắc giáp phần đất chia cho bà L dài 8,87m. Diện tích đất anh H1 được sử dụng là 235,3m2 (trong đó 113,4m2 đất ở và 121,9m2 đất ao). Các tài sản trên đất gồm tài sản của cụ T2 và cụ N1 để lại và các cây ăn trái do bà L trồng có giá trị không lớn, nên tài sản này nằm trên phần đất chia cho ai thì người đó được hưởng. Bà L và anh H1 không phải thanh toán giá trị chêch lệch tài sản cho ông V1, bà T, bà V, chị T1 và anh H2. Bà L và anh H1 phải chịu án phí chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật cần được công nhận.

[2.7] Về giá trị của các tài sản tranh chấp: Tại biên bản hòa giải ngày 02/7/2020 các đương sự đã thống nhất và chấp nhận giá trị các tài sản tranh chấp theo giá của Hội đồng định giá. Bà L và anh H1 phải chịu án phí chia thừa kế theo giá trị phần tài sản được chia quy định của pháp luật.

[2.8] Về án phí sơ thẩm:

Bà L được sử dụng có diện tích là 116,6m^2 là đất ở nông thôn giá trị định giá là 1.500.000 đồng/m^2. Giá trị phần đất bà L được chia là 174.000.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm bà L phải chịu là 5% giá trị được chia là 8.745.000 đồng. Anh H1 được sử dụng là 235,3m^2 (trong đó 113,4m^2 đất ở và 121,9m^2 đất ao) đất ở nông thôn giá trị định giá là 1.500.000 đồng/m^2, đất ao có giá trị là 100.000 đồng. Giá trị phần đất anh H1 được chia là 182.290.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm anh H1 phải chịu là 5% giá trị được chia là 9.114.500 đồng.

[2.9] Từ những nhận định trên chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình chia di sản của cụ Đinh Vạn T2 và cụ Đặng Thị N1 chia thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa 118, tờ bản đồ số 8 bản đồ địa chính xã N, huyện H (Hiện nay là thửa đất số 63, tờ bản đồ số 7, xã N,

huyện H, tỉnh Ninh Bình) theo sự thỏa thuận của bà Đinh Thị V, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị L, anh Đinh Vạn H1, chị Đinh Thị T1 và anh Đinh Vạn H2

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 100; Điều 103; Điều 167; Điều 179 Luật Đất đai; các Điều 115, 609, 623, 649, 650, 651 và Điều 660 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H cụ thể như sau:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V chia thừa kế di sản của cụ Đinh Vạn T2 và cụ Đặng Thị N1 là quyền sử dụng đất thửa 118, tờ bản đồ số 8 bản đồ địa chính xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình (Hiện nay là thửa đất số 63, tờ bản đồ số 7, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình) theo sự thỏa thuận của bà Đinh Thị V, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị L, anh Đinh Vạn H1, chị Đinh Thị T1 và anh Đinh Vạn H2.

Cụ thể: Bà Đinh Thị L được quyền sử dụng phần đất thổ cư hiện tại bà L đã làm nhà cấp 4, có các chiều cạnh: Phía Tây Bắc giáp đường dài 4,81m; phía Đông Bắc giáp phần đất chia cho anh H1 dài 22,98m; phía Đông Nam giáp phần đất chia cho anh H1 dài 8,83m; phía Tây Nam giáp thửa 61 dài 2,98m; phía Tây Bắc giáp thửa 62 dài 4,56m. Phần đất bà L được quyền sử dụng có diện tích là 116,6m^2 mục đích sử dụng là đất ở nông thôn (ONT). Bà L được quyền sở hữu các tài sản trên của cụ T2 và cụ N1 ở trên phần đất được chia cho bà L. Anh Đinh Vạn H1 sử dụng phần đất có các cạnh: Phía Tây Bắc giáp đường dài 4,81m, phía Đông Bắc giáp thửa 64 dài 32,69m; phía Đông Nam giáp thửa 74 dài 12,96m; phía Tây Nam giáp phần đất chia cho bà L dài 22,98m; phía Tây Bắc giáp phần đất chia cho bà L dài 8,87m. Diện tích đất anh H1 được quyền sử dụng là 235,3m^2 (trong đó 113,4m^2 đất ở (ONT) và 121,9m^2 đất ao(NTS)). Anh H1 được quyền sở hữu các tài sản của cụ T2 và cụ N1 để lại và các cây ăn trái do bà L trồng ở trên phần đất được chia cho anh H1. (có sơ đồ kèm theo)

Bà L và anh H1 không phải thanh toán giá trị chêch lệch tài sản cho ông V1, bà T, bà V, chị T1 và anh H2.

1.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đinh Thị L phải nộp 8.745.000 (Tám triệu bẩy trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí chia di sản thừa kế.

Anh Đinh Vạn H1 phải nộp 9.114.500 (Chín triệu một trămmười bốn nghìn năm trăm) đồng tiền án phí chia di sản thừa kế.

2. Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có

hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 26 tháng 01 năm 2021**.**

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Huy Lưỡng

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội (1);
- VKSND tỉnh Ninh Bình (2);
- Phòng KTNV-THA (1)
- Chi cục THA huyện H (1);
- TAND huyện H (1);
- Các đương sự (7);
- Lưu VP, tòa DS (2)